

FL450D

TẢI TRỌNG

4.5T

THỂ TÍCH THÙNG

2.90M³



FL250D

TẢI TRỌNG

2.4T

THỂ TÍCH THÙNG

1.80M³



FL350D

TẢI TRỌNG

3.5T

THỂ TÍCH THÙNG

2.60M³



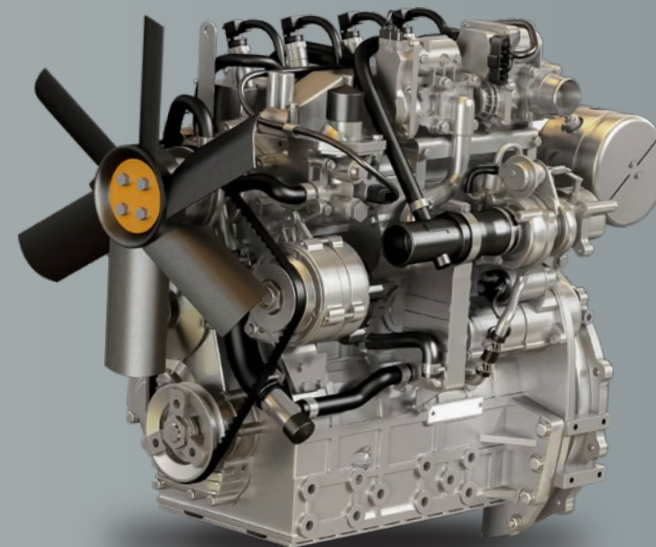
TMT MOTORS

TMT FL250D/350D/450D sở hữu động cơ bền bỉ, thiết kế hiện đại và nội thất tiện nghi, mang đến những chiếc xe chất lượng vượt trội, hiệu suất mạnh mẽ cùng khả năng vận hành tối ưu.



ĐỘNG CƠ

Trang bị động cơ **DIESEL 4A2-82C50** 4 kỳ, dung tích xi lanh **2270 cm³**, đạt tiêu chuẩn khí thải **EURO V** cho công suất tối đa **60 kW tại 3200 vòng/phút**, đem đến hiệu suất vận hành **BỀN BỈ**, thân thiện môi trường cùng khả năng thụ nhiên liệu **ẤN TƯỢNG**.



VẬN HÀNH



Nhíp trước: 07 lá.
Nhíp sau: 06 lá chính
04 lá phụ.



Khung gầm chắc chắn
Cấu tạo từ thép B610L,
tiết diện 201 x 55 x 8 (mm).



06 + 1 lớp dự phòng chịu tải cao
Kích thước 6,00-15.



Hệ thống phanh
FL250D/350D: Phanh dầu.
FL450D: Phanh hơi Lốc kê.

NGOẠI THẤT



ĐẦU XE

Thiết kế cứng cáp và mạnh mẽ.



TEM CÁNH CỬA

Thiết kế nổi bật, dễ nhận diện.



THÙNG BEN

Chất liệu hạn chế rỉ sét, khỏe khoắn, vững chãi.



BÌNH NHIÊN LIỆU

Dung tích 75L, chất liệu hợp kim nhôm bền bỉ.



ĐÈN HALOGEN

Thiết kế hiện đại, tăng khả năng chiếu sáng.

NỘI THẤT



GHẾ

Giế nỉ cao cấp, thiết kế ôm sát cơ thể, tạo cảm giác thoải mái trên các cung đường dài.



HỆ THỐNG GIẢI TRÍ

Trang bị Audio, MP3, cổng USB.



VÔ LĂNG

Dễ dàng điều chỉnh theo tư thế lái thoải mái nhất.



CỬA KÍNH

Cửa chỉnh điện dễ dàng và nhanh chóng.



CẦN SỐ

5 số tiến và 1 số lùi, linh hoạt điều khiển vận hành.



PHÍM CHỨC NĂNG

Bố trí tiện lợi, dễ dàng thao tác.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

KIỂU LOẠI XE		FL250D		FL350D		FL450D	
Loại phương tiện		Ô tô tải (tự đổ)					
Mã kiểu loại		FL6025D-E5		FL6035D-E5		FL6045D-E5	
Công thức bánh xe		4 x 2					
KHỐI LƯỢNG (kg)							
Khối lượng bản thân		2510		2545		2860	
Khối lượng chuyên chở		2350		3490		4500	
Khối lượng toàn bộ		4990		6165		7490	
Số người cho phép chở, tính cả người lái		02					
KÍCH THƯỚC (mm)							
Kích thước bao (dài x rộng x cao)		4590 x 1690 x 2120		4590 x 1740 x 2120		4730 x 1850 x 2150	
Kích thước lòng thùng		2600 x 1500 x 460		2610 x 1550 x 640		2700 x 1660 x 640	
Khoảng cách trục		2400		2400		2500	
Vết bánh xe trước/ sau		1350/1250				1450/1353	
Vết bánh xe sau phía ngoài		1450				1585	
ĐỘNG CƠ							
Kiểu loại động cơ		4A2-82C50					
Nhiên liệu, số kỳ, số xy lanh, cách làm mát, tăng áp		Diesel, 4 kỳ, 4 xy lanh thẳng hàng, làm mát bằng chất lỏng, có tăng áp					
Dung tích động cơ (cm3)		2270					
Công suất cực đại (kW)/ Tốc độ quay (rpm)		60/3200					
Tiêu chuẩn khí thải		EURO V					
TRUYỀN ĐỘNG							
Ly hợp		Đĩa ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không				Dẫn động thủy lực, trợ lực khí nén	
Hộp số		Cơ khí; 05 số tiến + 01 số lùi					
Tỉ số truyền hộp số		5,526; 2,992; 1,684; 1; 0,857; iR= 5,052					
Cầu trước		2 tấn		2 tấn		2,5 tấn	
Cầu sau		4,5 tấn; tỷ số truyền 5,571		4,5 tấn; tỷ số truyền 5,571		6 tấn; tỷ số truyền 5,571	
HỆ THỐNG TREO							
Hệ thống treo trước		Phụ thuộc, nhíp lá (07 lá), giảm chấn thủy lực					
Hệ thống treo sau		Phụ thuộc, nhíp lá (06 lá nhíp chính + 04 lá nhíp phụ)					
HỆ THỐNG PHANH							
Hệ thống phanh chính		Tang trống					
Loại cơ cấu phanh		Phanh dầu (trợ lực chân không)				Phanh hơi Lốc kê	
LỚP XE							
Hệ thống lớp		06 lớp + 01 lớp dự phòng; cỡ lớp 6,00-15				06 lớp + 01 lớp dự phòng; cỡ lớp 7,00-16	
ĐẶC TÍNH							
Hệ thống ben		Thủy lực					
Dung tích thùng nhiên liệu (lít)		75					

**Thông tin và hình ảnh chỉ mang tính chất tham khảo, có thể khác so với thực tế.
Các chi tiết trên xe có thể thay đổi mà không cần báo trước. Vui lòng liên hệ **Đại lý TMT Motors** gần nhất để biết thêm thông tin chi tiết.*